TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 10/2019/DS-ST
Ngày 05-3-2019
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Ngọc Thạch;

Bà Mai Thị K Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2018/TLST-DS, ngày 20 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị M, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 5, khu phố 1, thị trấn TC, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 1, ấp TQ, xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Chuyên: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 93, đường Đặng Văn Lý, khu phố 5, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 12-10-2018) có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vũ Xuân K, sinh năm 1950; cư trú tại: Tổ 1, ấp TQ, xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1979; cư trú tại: Tổ 6, khu phố 1, thị trấn TC, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Anh Vũ Trọng T1, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ 2, khu phố 2, thị trấn TC, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị M trình bày:

Vào năm 2011 và năm 2012 bà có giao dịch góp hụi với bà Vũ Thị T làm chủ hụi gồm các dây hụi sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 12-9-20141 (âm lịch), gồm 28 phần, mỗi tháng mở hụi một lần vào ngày 12 hàng tháng, dây hụi này bà tham gia 01 phần và đã góp được 24 kỳ, số tiền góp thực tế 16.500.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 500.000 đồng, mở ngày 29-8-2012 (âm lịch), gồm 49 phần, mỗi tuần mở hụi một lần (đúng 07 ngày thì mở hụi một lần), dây hụi này bà tham gia 01 phần và đã góp được 46 kỳ, số tiền góp thực tế 15.960.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 500.000 đồng, mở ngày 15-11-2012 (âm lịch), gồm 40 phần, mỗi tuần mở hụi một lần (đúng 07 ngày thì mở hụi một lần), dây hụi này bà tham gia 02 phần và đã góp được 35 kỳ, số tiền góp thực tế 25.900.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi trên bà đã góp cho bà T được số tiền 58.440.000 đồng, việc giao tiền góp hụi được bà T ghi vào sổ và giao lại cho bà nhưng bà T không có giao danh sách hụi viên. Đến khoảng tháng 3-2013 (âm lịch) bà T thông báo ngừng hụi và bỏ trốn khỏi địa phương, do đó bà cùng các hụi viên khác tố cáo bà T tại Cơ quan Công an huyện Tân Châu, tại đây cha và em ruột bà T là ông Vũ Xuân K, chị Vũ Thị H và anh Vũ Trọng T1 bảo lãnh trả nợ cho bà T nên mọi người rút đơn tố cáo, sau đó vẫn không trả số tiền nợ cho bà như đã cam kết. Nay bà yêu cầu bà Vũ Thị T, ông Vũ Xuân K, chị Vũ Thị H và anh Vũ Trọng T1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi 58.440.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi suất và không yêu cầu gì khác.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn S là người đại diện hợp pháp của bà T có ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Ông là người đại diện theo ủy quyền của bà T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà M, vì bà T không nợ số tiền hụi 58.440.000 đồng như bà M trình bày, từ năm 2011, 2012 đến nay thời gian đã lâu nên bà T không nhớ bà M có tham gia góp hụi do bà làm chủ hay không. Đối với chứng cứ là sổ ghi hụi do bà M cung cấp cho Tòa án, bà T thừa nhận do bà viết, nhưng đây không phải là việc bà T xác nhận còn nợ tiền hụi bà M; đối với danh sách tính tiền hụi ghi "*Chị ba Lanh 0972.052.702*" bà T không biết do ai ghi cũng không biết số điện thoại của ai và cũng không yêu cầu giám định. Nếu bà M cho rằng bà T có nợ số tiền hụi trên, thì bà M phải cung cấp chứng cứ để chứng minh.

Do bà T làm ăn gặp thất bại, nợ nhiều người với số tiền lớn, nên tinh thần bị khủng hoảng, do vậy cha và em ruột là ông K, chị H, anh T1 của bà T đứng ra đối chiếu số tiền còn nợ đối với các hụi viên, sau đó cho tiền để bà T trả nợ, đến nay bà

T đã trả xong không còn nợ ai. Nay ông đại diện cho bà T không đồng ý trả số tiền nợ hụi 58.440.000 đồng theo yêu cầu của bà M.

Ông Vũ Xuân K có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn: Ông là cha ruột của bà T, chị H và anh T1, do bà T làm ăn thất bại, nợ nhiều người với số tiền lớn, vì vậy ông cùng với chị H, anh T1 đứng ra gặp những hụi viên bà T còn nợ có đơn tố cáo để đối chiếu, xác định nợ và yêu cầu những người có đơn tố cáo rút đơn để bà T về tính phương án trả nợ; sau khi các hụi viên rút đơn tố cáo, ông cùng chị H, anh T1 tổ chức gặp những người này và cho tiền bà T trả nợ, hiện nay bà T đã trả xong các khoản nợ cho mọi người.

Việc ông cùng với chị H, anh T1 trình bày, ký tên vào biên bản làm việc ngày 14-9-2017 tại Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh không phải xác nhận bà T nợ tiền của bà M để bảo lãnh trả nợ cho bà T. Hiện nay bà T có nợ tiền bà M hay không là chuyện riêng của bà T, do đó ông không đồng ý cùng bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 58.440.000 đồng theo yêu cầu bà M.

Chị Vũ Thị H có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn: Chị là con ruột ông Vũ Xuân K và là em của bà T. Chị thừa nhận có ký tên vào biên bản làm việc ngày 14-9-2017 tại Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, nhưng không phải ký tên xác nhận bà T nợ tiền của bà M để bảo lãnh trả nợ cho bà T. Do bà T làm ăn thất bại, nợ nhiều người nên tinh thần bị khủng hoảng, vì vậy chị cùng với ông K, anh T1 đứng ra gặp các hụi viên bà T còn nợ tiền để đối chiếu, xác nhận nợ và cho tiền để bà T trả nợ cho những người đã tố cáo. Sau khi những người tố cáo bà T rút đơn, chị cùng ông K, anh T1 cho tiền bà T trả nợ xong cho các chủ nợ. Hiện nay bà T có nợ tiền bà M hay không chị không biết, do đó chị không đồng ý cùng bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 58.440.000 đồng theo yêu cầu bà M.

Anh Vũ Trọng T1 có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn: Anh là con ruột ông Vũ Xuân K và là em ruột của bà T, chị H. Anh có ký tên vào biên bản làm việc ngày 14-9-2017 tại Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cùng với ông K và chị H, nhưng không phải ký tên xác nhận bà T nợ tiền của bà M để bảo lãnh trả nợ cho bà T. Do bà T làm ăn thất bại, nợ nhiều người nên tinh thần bị khủng hoảng, vì vậy anh cùng ông K, chị H đứng ra gặp các hụi viên bà T có nợ để đối chiếu, xác nhận nợ và cho tiền để bà T trả nợ những người tố cáo, sau khi những người tố cáo rút đơn, anh cùng ông K, chị H cho tiền bà T trả nợ xong cho các chủ nợ. Hiện nay bà T có nợ tiền bà M hay không là chuyện riêng của bà T, do đó anh không đồng ý cùng bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 58.440.000 đồng theo yêu cầu bà M.

Tại phiên tòa trong phần tranh luận, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, bà M có tham gia góp hụi do bà T làm chủ nhiều dây hụi, sau khi bỏ đi khỏi địa phương và còn nợ tiền hụi bà M đã góp cho bà T như đơn khởi kiện; căn cứ biên bản làm việc ngày 14-9-2017 tại Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thì ông K, chị H và anh T1 xác nhận đồng ý trả nợ cho bà T. Do đó, đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M, buộc bà Vũ Thị T, ông Vũ Xuân K, chị Vũ Thị H và anh Vũ Trọng T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M tiền nợ hụi 58.440.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Bà M đồng ý với ý kiến tranh luận của Luật sư, không bổ sung gì thêm.

Ông S cho rằng, khi khởi kiện phía nguyên đơn phải cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ; đối với chứng cứ là 02 sổ từ bút lục số 72 đến bút lục số 79 bà T thừa nhận do bà T viết nhưng không biết lý do vì sao bà M có được, còn các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Tòa án thu thập tại Công an huyện Tân Châu không phải do bà T giao nộp; theo biên bản làm việc ngày 14-9-2017 tại Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, cha và em ruột bà T là ông K, chị H và anh T1 có ký tên vào biên bản làm việc, nhưng không phải ký nhận để bảo lãnh trả nợ cho bà T và việc ký này không được bà T ủy quyền là sai quy định pháp luật. Nội dung trong biên bản làm việc này ông K cùng các em bà T ký tên để xác định nợ của bà T và cho tiền bà T trả nợ xong cho các chủ nợ. Nếu bà M cùng cấp được chứng cứ bà T còn nợ tiền hụi bà M thì yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét và bà T đồng ý trả tiền nợ cho bà M; việc bà T có nợ bà M hay không thì không liên quan đến ông K, chị H và anh T1 nên bà M yêu cầu ông K, chị H, anh T1 liên đới trả tiền nợ là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng người đại diện hợp pháp của các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào chứng cứ do bà M cung cấp và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các lời khai của người làm chứng thì có cơ sở xác định bà M có tham gia góp hụi với bà Vũ Thị T gồm các dây hụi như bà M trình bày. Đối với yêu cầu của bà M yêu cầu ông K, chị H, anh T1 liên đới trả nợ cho bà là không có căn cứ, vì đây là nợ riêng của bà T, việc ông K, chị H, anh T1 ký vào biên bản làm việc ngày 14-9-2017 đề nghị những người tố cáo rút đơn để bà T về nhà xác định lại số tiền nợ và giúp đỡ bà T trả nợ chứ không phải đứng ra bảo lãnh trả nợ cho bà T. Do đó căn cứ Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27-11-2006 của Chính phủ và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị xét xử theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M đối với bà Vũ Thị T, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền nợ hụi 58.440.000 đồng, ghi nhận bà M không yêu cầu tính tiền lãi suất. Không chấp nhận yêu cầu của bà M yêu cầu ông Vũ Xuân K, chị Vũ Thị H và anh Vũ Trọng T1 cùng bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Vũ Thị T là bị đơn văng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp có mặt tại phiên tòa; ông Vũ Xuân K, chị Vũ Thị H, anh Vũ Trọng T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông K, anh T1 chị H.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M yêu bà Vũ Thị T, ông Vũ Xuân K, chị Vũ Thị H và anh Vũ Trọng T1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi 58.440.000 đồng, nhưng không được bà T, ông K, chị H, anh T1 chấp nhận; bà T cho rằng không có nợ tiền hụi bà M; ông K, chị H, anh T1 trình bày không biết bà T có nợ bà M hay không và không liên quan đến giao dịch giữa bà M với bà T.

Xét thấy, từ những chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, trong đó có chứng cứ do bà M cung cấp là 02 quyển sổ ghi tiền hụi từ bút lục số 72 đến bút lục số 79 được bà T thừa nhận cùng các lời khai của người làm chứng nên có căn cứ trong khoảng thời gian từ tháng 9-2011 âm lịch đến tháng 11-2012 âm lịch, bà Lê Thị M có giao dịch góp hụi với bà Vũ Thị T làm chủ là đúng sự thật, cụ thể các dây hụi như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 12-9-20141 (âm lịch), gồm 28 phần, mỗi tháng mở hụi một lần vào ngày 12 hàng tháng, dây hụi này bà M tham gia 01 phần và đã góp được 24 kỳ, số tiền góp thực tế 16.500.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 500.000 đồng, mở ngày 29-8-2012 (âm lịch), gồm 49 phần, mỗi tuần mở hụi một lần (đúng 07 ngày thì mở hụi một lần), dây hụi này bà M tham gia 01 phần và đã góp được 46 kỳ, số tiền góp thực tế 15.960.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 500.000 đồng, mở ngày 15-11-2012 (âm lịch), gồm 40 phần, mỗi tuần mở hụi một lần (đúng 07 ngày thì mở hụi một lần), dây hụi này bà M tham gia 02 phần và đã góp được 35 kỳ, số tiền góp thực tế 25.900.000 đồng.

Tổng cộng số tiền 03 dây hụi bà M đã góp cho bà T 58.440.000 đồng, toàn bộ số tiền góp hụi này do bà T trực tiếp ghi vào sổ theo dõi và giao cho bà M lưu giữ. Sau khi ngừng hụi bà T bỏ đi khỏi địa phương và các dây hụi không còn hoạt động nên có một số hụi viên làm đơn tố cáo bà T đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xử lý theo quy định của pháp luật, trong đó có bà M, trong quá trình giải quyết vụ án các hụi viên này đã rút đơn tố cáo, đồng ý để bà T

trở về trả lại tiền hụi sống cho các hụi viên đã đóng, theo biên bản làm việc ngày 14-9-2017.

Số tiền nợ hụi bà M yêu cầu bà T trả 58.440.000 đồng là phù hợp với lời trình bày của bà T tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 25-10-2017 (bút lục 45, 46), bà T thừa nhận "*Khi bà trở về có xác định lại còn nợ hơn 60 người, số tiền hơn 2.900.000.000 đồng, đến nay gia đình bà đã trả nợ được cho 51 người, hiện bà còn nợ 07, 08 người, số tiền 700.000.000 đồng, còn đang tH lượng do gia đình hết tiền xin bớt nhưng không được*"; tại (bút lục số 87) thể hiện bà M (*tại mục 7/ chị dâu (Lanh)15.000.000 đồng*) cùng 07 hụi viên khác không đồng ý nhận số tiền của từng người mà bà T đề nghị trả lại, trong đó số tiền đề nghị trả cho bà M 15.000.000 đồng. Do không thương lượng được số tiền phải trả, nên trong tháng 8-2018 có 08 hụi viên làm đơn khởi kiện bà T tại Tòa án nhân dân huyện Tân Châu với tổng số tiền khoảng 700.000.000 đồng, trong đó bà M khởi kiện số tiền là 58.440.000 đồng. Do đó, lời trình bày của người đại diện bà T tại Tòa án cho rằng bà T không nợ tiền hụi theo đơn khởi kiện của bà M là không có căn cứ.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị M và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu bà T, ông K, chị H, anh T1 trả cho bà M số tiền nợ hụi 58.440.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi suất; Hội đồng xét xử thấy rằng, nội dung biên bản làm việc ngày 14-9-2017 tại Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, ông Vũ Xuân K là cha của bà T có ý kiến đề nghị những người tố cáo rút đơn để bà T trở về xác định lại số tiền nợ một cách chính xác và gia đình trả nợ cho bà T, biên bản này có chị H, anh T1 cùng ký tên, nhưng không thể hiện có ý kiến như thế nào. Trong biên bản làm việc không có nội dung nào ông K, chị H, anh T1 cam kết bảo lãnh trả tiền nợ của bà T cho các chủ nợ, trong đó có bà M mà chỉ xác định nợ của bà T để gia đình trả nợ; việc ông K trình bày trên cũng chưa được bà T đồng ý và ủy quyền là sai quy định pháp luật, do đó không có căn cứ buộc ông K, chị H và anh T1 cùng bà T có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà M.

[4] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M đối với bà Vũ Thị T về tranh chấp hợp đồng góp hụi. Buộc bà Vũ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị M số tiền 58.440.000 đồng. Ghi nhận bà Lê Thị M không yêu cầu trả tiền lãi suất và không yêu cầu gì khác.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị M yêu cầu ông Vũ Xuân K, chị Vũ Thị H, anh Vũ Trọng T1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả số tiền 58.440.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27-11-2006 của Chính phủ; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M đối với bà Vũ Thị T về tranh chấp hợp đồng góp hụi. Buộc bà Vũ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị M số tiền nợ hụi 58.440.000 (năm mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng. Ghi nhận bà Lê Thị M không yêu cầu trả tiền lãi suất.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị M yêu cầu ông Vũ Xuân K, chị Vũ Thị H, anh Vũ Trọng T1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả số tiền 58.440.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Vũ Thị T phải chịu 2.922.000 (hai triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.461.000 (một triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn) đồng tại biên lai thu số 0025911 ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị M, bà Vũ Thị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Vũ Xuân K, chị Vũ Thị H, anh Vũ Trọng T1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC.THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc